

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Lan**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia** và bà **Nguyễn Thị Xuân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Tùng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Liên** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 173/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST –HNGĐ ngày 26/6/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Thiên L** – sinh năm 1992(có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ 2, Ấp T.L 1, xã P.T, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở: Tổ 10, Khu 10, thị trấn T.P, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Đinh Hoàng T** – sinh năm 1992(vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp T.L 1, xã P.T, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2018 và lời khai trong quá trình thụ L, giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Thiên L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã P.T ngày 02/4/2015 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống do tính tình không hòa hợp, thường hay cãi nhau, bản thân anh không quan tâm lo tìm việc làm ổn định để phụ giúp gia đình mà ham chơi nhậu nhẹt với bạn bè, có khi bỏ đi cả tuần mới về nhà, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh không thay đổi, anh chị đã tự nói chuyện hòa giải đoàn tụ và hai bên gia đình anh chị cũng tiến hành khuyên giải nhưng anh T vẫn không thay đổi. Cuối năm 2017, do bất đồng quan điểm và không còn tình cảm nên chị có khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh, sau khi Tòa án hòa giải đoàn tụ thì chị rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện

để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, bản thân anh chị vẫn không gặp nhau để hòa giải, không thể tiếp tục chung sống nên vẫn ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về nuôi con chung: Chị L trình bày có 01 (một) con chung là cháu Đinh Nguyên K – sinh ngày 14/02/2016. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm thời không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị buôn bán nước giải khát có thu nhập trung bình 5.000.000đ, đủ khả năng nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ L, giải quyết vụ án và hòa giải anh Đinh Hoàng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thừa nhận anh và chị L kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã P.T là đúng sự thật. Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, bản thân anh chưa quan tâm chăm sóc vợ con, còn ham chơi, nhậu nhẹt với bạn bè. Đầu năm 2018 khi chị khởi kiện ly hôn, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ, anh thừa nhận anh có viết giấy “Bản cam kết” ngày 30/01/2018 với nội dung cố gắng thay đổi, không ham đi chơi bạn bè mà lo làm ăn để phụ giúp cho gia đình. Sau đó, chị rút yêu cầu khởi kiện để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, bản thân vợ chồng vẫn không thể đoàn tụ chung sống do anh chưa tìm được việc làm ổn định, nên vẫn ở riêng cho đến nay. Anh có xuống nơi chị sinh sống để hàn gắn hạnh phúc nhưng chị vẫn nhất quyết ly hôn. Anh nhận thấy tình cảm vẫn còn, con còn nhỏ nên anh đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ. Trường hợp hòa giải đoàn tụ không thành, chị vẫn yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị xem xét giải quyết, xét xử theo quy định của pháp luật do anh vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con chung: Anh T trình bày có 01 (một) con chung là cháu Đinh Nguyên K – sinh ngày 14/02/2016. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh không phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh đang phụ giúp gia đình, chưa có nghề nghiệp nên không có thu nhập.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã giao nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu, chứng cứ sau đây: Chứng minh nhân dân của nguyên đơn (Bản sao) và Sổ hộ khẩu của các đương sự (Bản sao), Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao), Trích lục khai sinh con chung (Bản sao), Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ trên cho các đương sự.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai của các đương sự, Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ của các đương sự, “Bản cam kết” ngày 30/01/2018 của bị đơn; Đơn yêu cầu sao gửi tài

liệu chứng cứ và Đơn yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ của nguyên đơn; Biên bản xác minh của Tòa án về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; anh T không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ L cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn chị L có mặt, bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị L. Về hôn nhân: Cho chị L được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao con chung Đinh Nguyên K – sinh ngày 14/02/2016 cho chị L nuôi dưỡng, do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Đinh Hoàng T có nơi cư trú tại xã P.T, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Phan Thị Thiên L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh T, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị L là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị L là nguyên đơn, anh T là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.T, huyện T.P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, vào sổ cấp giấy số 29 quyển số 01/2015 ngày 02/4/2015. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị L và anh T đều thừa nhận có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, bản thân anh thừa nhận còn ham chơi bạn bè, thiếu trách nhiệm với gia đình, chưa quan tâm lo lắng cho gia đình nên anh chị thường xuyên cãi nhau. Đầu năm 2018, chị đã khởi kiện ly hôn nhưng vì giữ gìn hạnh phúc gia đình và cho anh cơ hội để thay đổi nên chị rút yêu cầu khởi kiện, bản thân anh cũng có viết giấy cam kết hứa sẽ thay đổi, không ham vui bạn bè mà lo làm ăn để phụ giúp cho gia đình. Tuy nhiên anh chị vẫn không thể đoàn tụ chung sống do anh chưa thực sự thay đổi theo hướng tích cực mà vẫn còn ham chơi, chưa quan tâm đến chị và con chung, nên anh chị đã không còn chung sống từ đầu năm 2018 cho đến nay. Bản thân anh T cho rằng vẫn còn tình cảm nhưng anh không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc, chưa có cách thức để vợ chồng quay về chung sống đoàn tụ và không cố gắng để chị nhìn nhận được sự thay đổi của mình theo bản cam kết của anh. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân tại địa phương cũng phù hợp với lời khai các đương sự.

Do đó, có đủ cơ sở để xác định, anh T và chị L đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn với anh T.

- Về nuôi con chung: Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Đinh Nguyên K – sinh ngày 14/02/2016, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý đồng ý giao các con chung cho chị L nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con do chưa có nghề nghiệp nên không có thu nhập. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ về nuôi con chung tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ thể hiện: Từ đầu năm 2018 sau khi anh chị không còn sống chung, con chung đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân chị có lối sống đạo đức tốt, có trách nhiệm lo lắng nuôi dạy giáo dục con, chị làm nghề buôn bán có mức thu nhập trung bình 5.000.000đ/tháng, ngoài ra chị còn được cha mẹ ruột của mình hỗ trợ về kinh tế và phụ giúp chăm sóc cháu, nên chị đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con chung của chị L là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị khai không có nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thiên L.

- Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Thiên L được ly hôn với anh Đinh Hoàng T.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Đinh Nguyên K – sinh ngày 14/02/2016 cho chị L được nuôi dưỡng, tạm thời miễn cho anh T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Chị Phan Thị Thiên L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 008179 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo:Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã P.T (Số 29 quyền số 01/2015, ngày 02/4/2015) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Lan